

Số: **04** /2008/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 19 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp"****BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30/9/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 62/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 07/2006/TT-BTP ngày 27/11/2006 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Tư pháp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng,

QUYẾT ĐỊNH:

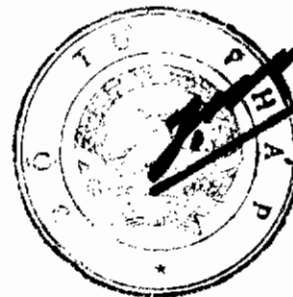
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Tư pháp".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 102/2005/QĐ-BTP ngày 02/3/2005 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã được sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 1282/2005/QĐ-BTP ngày 17/6 /2005 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 3. Các uỷ viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Vụ trưởng Vụ Thi đua - Khen thưởng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp và Trưởng Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /TK

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc Hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Bộ Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản BTP (tự kiểm tra);
- Website Chính phủ; -Website Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Nhu Điều 3;
- Lưu: VT, Vụ TĐKT.

BỘ TRƯỞNG**Hà Hùng Cường**

QUY CHẾ
XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG “VÌ SỰ NGHIỆP TƯ PHÁP”
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BTP
ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp Tư pháp”(sau đây gọi tắt là “Kỷ niệm chương”) là hình thức khen thưởng của Bộ Tư pháp để ghi nhận công lao của các cá nhân đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp Tư pháp Việt Nam.

2. Kỷ niệm chương được xét tặng và công bố hàng năm vào dịp kỷ niệm “Ngày truyền thống ngành Tư pháp” (28/8) và xét tặng đột xuất theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 2. Nguyên tắc xét tặng Kỷ niệm chương

1. Kỷ niệm chương được tặng một lần, không truy tặng.

2. Việc xét tặng Kỷ niệm chương phải được thực hiện đúng pháp luật, đúng đối tượng, tiêu chuẩn, thủ tục theo Quy chế này, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, công bằng, kịp thời.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

Điều 3. Đối tượng xét tặng Kỷ niệm chương

1. Những cá nhân đã và đang công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp, bao gồm:

a) Cá nhân công tác tại các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, các cơ quan Thi hành án dân sự địa phương và các cơ quan Thi hành án quân đội;

b) Cá nhân công tác tại các cơ quan Tư pháp địa phương (Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Ban Tư pháp); tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước nắm giữ 100% vốn, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức trọng tài, luật sư, giám định tư pháp ở Trung ương và địa phương, các tổ hoà giải.

2. Những cá nhân không thuộc quy định tại Khoản 1 Điều này gồm: Cá nhân công tác ở các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài.

3. Cá nhân đã được tặng Huy chương “Vì sự nghiệp Tư pháp” ban hành theo Quyết định số 713/TC ngày 22/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp thì không xét tặng Kỷ niệm chương theo Quy chế này.

4. Những cá nhân bị kỷ luật buộc thôi việc, khai trừ Đảng hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì không được xét tặng Kỷ niệm chương.

Điều 4. Tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương

1. Đối với cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Quy chế này đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Bộ trưởng, Thứ trưởng Bộ Tư pháp;

b) Lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp và lãnh đạo Sở Tư pháp, Thi hành án dân sự cấp tỉnh được đề nghị xét tặng khi đủ 1 nhiệm kỳ đối với cấp trưởng và 2 nhiệm kỳ đối với cấp phó;

c) Cá nhân công tác ở ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp được công nhận là Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang được đề nghị xét tặng ngay sau khi có quyết định khen thưởng;

d) Cá nhân có thời gian công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp từ đủ 20 năm trở lên đối với nam và từ đủ 15 năm trở lên đối với nữ; cá nhân có ít nhất 5 năm liên tục trực tiếp làm công tác hoà giải tại thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố và có thành tích xuất sắc được khen thưởng từ 03 Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc từ 01 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên về công tác hoà giải.

e) Cá nhân công tác trong các ngành bảo vệ pháp luật (Công an, Kiểm sát, Toà án) chuyển về ngành Tư pháp hoặc từ ngành Tư pháp chuyển sang các ngành bảo vệ pháp luật có 20 năm công tác liên tục, trong đó thời gian công tác trong ngành Tư pháp có ít nhất 5 năm trở lên đối với nam và 4 năm trở lên đối với nữ;

g) Cá nhân công tác trong các ngành, tổ chức khác chuyển về ngành Tư pháp hoặc từ ngành Tư pháp chuyển sang các ngành, tổ chức khác có 25 năm công tác liên tục, trong đó thời gian công tác trong ngành Tư pháp có ít nhất 10 năm trở lên đối với nam và 8 năm trở lên đối với nữ.

2. Đối với cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quy chế này đạt một trong các điều kiện sau:

a) Có công lao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào công cuộc phát triển sự nghiệp Tư pháp Việt Nam;

b) Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tư pháp (Ban chỉ đạo Thi hành án; Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, các tổ chức khác) thời gian từ 5 năm trở lên;

c) Có công trình khoa học hoặc sáng kiến, giải pháp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, có giá trị thiết thực đóng góp cho sự phát triển của ngành Tư pháp;

d) Có công lao trong việc xây dựng và củng cố quan hệ hợp tác giữa các nước, các tổ chức quốc tế với ngành Tư pháp, đóng góp tích cực cho sự nghiệp Tư pháp Việt Nam;

e) Giúp đỡ, ủng hộ xứng đáng về tài chính hoặc vật chất cho sự phát triển của ngành Tư pháp.

3. Các cá nhân khác theo quyết định của Bộ trưởng:

a) Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và lãnh đạo các Bộ, ban, ngành ở Trung ương có công lao trong việc lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào công cuộc phát triển sự nghiệp Tư pháp Việt Nam;

b) Các cá nhân khác thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 3 có thành tích xuất sắc, đột xuất.

Điều 5. Cách tính thời gian công tác để xét tặng Kỷ niệm chương đối với một số trường hợp cụ thể

1. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp ở các tỉnh, huyện, xã miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới, hải đảo thì thời gian công tác thực tế tại các địa bàn trên được nhân với hệ số 1,2 (đối với các tỉnh, huyện, xã có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,1 đến 0,5) và được nhân với hệ số 1,5 (đối với các tỉnh, huyện, xã có hệ số phụ cấp khu vực 0,7 và 1,0) để tính thời gian công tác trong ngành Tư pháp.

2. Cá nhân trong thời gian công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp được khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao của ngành Tư pháp và của Nhà nước thì được đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương sớm hơn thời gian quy định tùy thuộc vào danh hiệu hoặc hình thức khen cao nhất đã được khen thưởng như sau:

a) Huân chương Lao động các hạng được đề nghị xét tặng sớm hơn 5 năm;

b) Chiến sỹ thi đua toàn quốc được đề nghị xét tặng sớm hơn 3 năm;

c) Cá nhân được khen thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ hoặc Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp được đề nghị xét tặng sớm hơn 2 năm.

3. Cá nhân công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp theo hình thức hợp đồng không xác định thời hạn thì thời gian công tác trong ngành được tính từ thời điểm ký hợp đồng không xác định thời hạn.

4. Cá nhân là cán bộ, công chức cấp xã (được quy định tại Nghị định số 114/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn) thì thời gian công tác liên tục được tính từ thời điểm bắt đầu tham gia công tác (đối với cán bộ, công chức tư pháp, hộ tịch thì thời gian làm công tác tư pháp được tính từ thời điểm bắt đầu tham gia công tác tư pháp, hộ tịch).

5. Cá nhân có đủ thời gian công tác quy định tại điểm d, e, g Khoản 1 Điều 4 của Quy chế này nhưng bị kỷ luật dưới mức buộc thôi việc hoặc dưới mức khai trừ Đảng chỉ được xét tặng sau 3 năm, tính từ thời điểm có quyết định xoá kỷ luật hoặc hết hạn kỷ luật Đảng. Thời gian chịu kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

6. Trường hợp cá nhân có thời gian giữ chức vụ cấp trưởng, nhưng không đủ để được xét theo tiêu chuẩn quy định đối với cấp trưởng thì được cộng với số thời gian giữ chức vụ cấp phó để tính tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương theo chức vụ cấp phó.

Điều 6. Quyền lợi của người được tặng Kỷ niệm chương

1. Được tặng Kỷ niệm chương và Giấy chứng nhận Kỷ niệm chương của Bộ Tư pháp.

2. Được thưởng tiền hoặc hiện vật kỷ niệm có giá trị tương đương theo quy định tại Khoản 2 Điều 74 của Nghị định 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Chương III

QUY TRÌNH VÀ HỒ SƠ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG

Điều 7. Quy trình xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 3

1. Đối với Bộ trưởng, Thứ trưởng Bộ Tư pháp: Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

2. Ở Trung ương:

a) Đối với cá nhân đang công tác tại các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp:

Căn cứ kết quả xét chọn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét trình Bộ trưởng quyết định;

b) Đối với cá nhân thuộc tổ chức pháp chế Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức trọng tài, luật sư và giám định tư pháp: Căn cứ đề nghị của các cơ quan có tổ chức pháp chế, tổ chức trọng tài, luật sư và giám định tư pháp, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở của đơn vị thuộc Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ quản lý công tác pháp chế, trọng tài, luật sư và giám định tư pháp có trách nhiệm xem xét, lập hồ sơ đề Thủ trưởng đơn vị đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét trình Bộ trưởng quyết định;

c) Đối với cá nhân từ ngành Tư pháp chuyển công tác sang Bộ, ngành khác: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở của đơn vị thuộc Bộ Tư pháp có cá nhân công tác trước đây có trách nhiệm xem xét lập hồ sơ (có xác nhận thời gian công tác của đơn vị đang quản lý trực tiếp) đề Thủ trưởng đơn vị đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét trình Bộ trưởng quyết định. (Trong trường hợp đơn vị đó giải thể, thì trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho các đối tượng này thuộc Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Tư pháp).

d) Đối với cá nhân đang công tác tại các cơ quan Thi hành án quân đội: Thủ trưởng cơ quan Thi hành án Bộ Quốc phòng có trách nhiệm lập hồ sơ trình lãnh đạo Bộ Quốc phòng đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét trình Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định.

3. Ở địa phương:

a) Căn cứ đề nghị của Trưởng các đơn vị nghiệp vụ thuộc Sở Tư pháp, Trưởng Phòng Tư pháp; người đứng đầu các tổ chức pháp chế, trọng tài, luật sư và giám định tư pháp, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xét, lập hồ sơ đề Giám đốc Sở Tư pháp xem xét, đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét trình Bộ trưởng quyết định.

b) Căn cứ đề nghị của Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Trưởng Thi hành án dân sự cấp huyện, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh có trách nhiệm xét, lập hồ sơ đề Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh xem xét, đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét trình Bộ trưởng quyết định.

Điều 8. Quy trình xét tặng Kỷ niệm chương đối với cán bộ đã nghỉ hưu thuộc ngành Tư pháp

1. Cán bộ đã nghỉ hưu của các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp do Thủ trưởng các đơn vị có cán bộ đã nghỉ hưu phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ lập hồ sơ đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét trình Bộ trưởng quyết định.

2. Cán bộ đã nghỉ hưu thuộc các cơ quan Tư pháp, cơ quan Thi hành án dân sự địa phương nào thì do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Sở Tư pháp, Thi hành án dân sự cấp tỉnh địa phương đó lập hồ sơ, xem xét và Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét trình Bộ trưởng quyết định.

Điều 9. Quy trình xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 3

1. Căn cứ kết quả xét chọn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng thi hành án dân sự cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, lập hồ sơ đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực, địa bàn mình quản lý để đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét trình Bộ trưởng quyết định.

Trường hợp một đối tượng mà do cả Sở Tư pháp và Thi hành án dân sự cấp tỉnh cùng đề nghị thì Giám đốc Sở Tư pháp và Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh phải có sự thống nhất chỉ để một cơ quan lập danh sách trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xét duyệt.

2. Trong các trường hợp đặc biệt (cá nhân có công lao, thành tích xuất sắc, đột xuất, cần được trao tặng Kỷ niệm chương kịp thời), Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp có trách nhiệm đề xuất, lập hồ sơ trình Bộ trưởng quyết định.

Điều 10 . Quy trình xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều 4

Căn cứ quyết định của Bộ trưởng, Vụ Thi đua – Khen thưởng dự thảo quyết định đề Bộ trưởng ký Quyết định tặng Kỷ niệm chương.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương

1. Tờ trình đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương của đơn vị (mẫu 1).

2. Danh sách trích ngang đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương (cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 3 lập theo mẫu 2A; cá nhân quy định tại Khoản 2 Điều 3 lập theo mẫu 2B).

3. Bản kê khai tóm tắt thành tích và quá trình công tác của cá nhân, có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị quản lý cán bộ (cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều 3 lập theo mẫu 3A; cá nhân quy định tại Khoản 2 Điều 3 lập theo mẫu 3B); cá nhân đã nghỉ hưu do cơ quan quản lý ra quyết định nghỉ hưu xác nhận.

4. Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh hoặc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở của các đơn vị thuộc Bộ.

5. Bản sao các quyết định khen thưởng, quyết định kỷ luật, quyết định xoá kỷ luật liên quan đến việc xét tặng Kỷ niệm chương theo quy định tại điểm c, d Khoản 1 Điều 4; Khoản 2, 5 Điều 5 của Quy chế này.

6. Đối với cá nhân là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài thì phải có văn bản nhận xét và đề nghị của các đơn vị chức năng của Bộ Tư pháp.

Điều 12. Thời gian nộp hồ sơ xét tặng Kỷ niệm chương

1. Hàng năm, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Thi hành án dân sự cấp tỉnh, Thủ trưởng cơ quan Thi hành án quân đội tổ chức xem xét, lập hồ sơ và gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp (Vụ Thi đua- Khen thưởng) trước ngày 01 tháng 7.

2. Đối với các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 3 thì thời gian nộp hồ sơ không nhất thiết thực hiện theo Khoản 1 Điều này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan Thi hành án quân đội có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này. *Th*

BỘ TRƯỞNG



Hà Hùng Cường

Đơn vị:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương "Vi sự nghiệp Tư pháp"

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Căn cứ Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vi sự nghiệp Tư pháp" ban hành theo Quyết định số...../2008/QĐ- BTP ngày / /2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Căn cứ kết quả cuộc họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngày /- /200...

Đơn vị đã xét và đề nghị tặng Kỷ niệm chương "Vi sự nghiệp Tư pháp" cho..... người. Có danh sách và hồ sơ cá nhân kèm theo.

Trong đó:

1. Đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Quy chế
 - a) Đang làm việc người.
 - b) Đã nghỉ hưu người.
2. Đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Quy chế
 - a) Đang làm việc người.
 - b) Đã nghỉ hưu người.

Đơn vịxin trình Bộ Tư pháp xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

-

-

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

(Họ và tên người ký)

Đơn vị:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG "VÌ SỰ NGHIỆP TƯ PHÁP"

(Đổi với cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 3)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Ngày vào biên chế	Ngày vào ngành TP	Số năm công tác trong ngành TP	Số năm công tác		Ghi chú (tiêu chuẩn đặc cách)
		Nam	Nữ						Đang công tác	Đã nghỉ hưu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Người lập biểu
(Ký tên)

Ngày tháng năm 200
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

(Họ và tên người lập biểu)

(Họ và tên người ký)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị :

DANH SÁCH CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG "VÌ SỰ NGHIỆP TƯ PHÁP"
(Đối với cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 3)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Công lao đóng góp cho ngành TP	Số năm công tác		
		Nam	Nữ				Đang công tác	Đã nghỉ hưu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Người lập biểu
(Ký tên)

Ngày tháng năm 200
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

(Họ và tên người lập biểu)

(Họ và tên người ký)

Đơn vị:
Số:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200

**BẢN TÓM TẮT THÀNH TÍCH VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG "VÌ SỰ NGHIỆP TƯ PHÁP"**

(Đối với cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 3)

- Họ và tên : Nam, nữ
- Ngày tháng năm sinh : Dân tộc :
- Nơi ở hiện nay :
- Chức vụ và nơi công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu):
- Ngày tháng năm vào biên chế:
- Ngày tháng năm vào làm việc trong ngành Tư pháp:
- Số năm công tác trong ngành Tư pháp:
- Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã được khen tặng (Anh hùng, Huân chương lao động, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Chiến sỹ thi đua ngành Tư pháp):
- Hình thức kỷ luật: theo :
 - + Quyết định Kỷ luật số ngày tháng... năm....
 - + Quyết định xóa kỷ luật sốngày.....tháng năm ...
- Ngày nghỉ hưu:
- Đề nghị tặng Kỷ niệm chương theo tiêu chuẩn quy định tại điểm..... Khoản.....Điều..... Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương " Vì sự nghiệp Tư pháp".

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
(Kê khai liên tục từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)		

* Lưu ý: Nêu rõ nơi công tác (đến cấp xã) đối với khoảng thời gian công tác trong ngành Tư pháp hoặc làm công tác tư pháp tại các xã miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới hải đảo.

**XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CÁN BỘ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

**Người khai
(Ký tên)**

(Họ và tên người ký)

(Họ và tên người ký)

Đơn vị:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 200

**BẢN TÓM TẮT THÀNH TÍCH VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG "VÌ SỰ NGHIỆP TƯ PHÁP"**

(Đối với cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 3)

- Họ và tên: Nam, nữ
- Ngày tháng năm sinh: Dân tộc: Quốc tịch:
- Nơi ở hiện nay:
- Chức vụ và nơi công tác hiện nay (hoặc trước khi nghỉ hưu):

- Công lao đóng góp cho ngành Tư pháp:

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

Thời gian công tác	Chức vụ	Nơi công tác
(Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)		

**XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CÁN BỘ**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)
(Không áp dụng với cá nhân là người
Việt nam ở nước ngoài và người
nước ngoài ở phần x/nh này)

Người khai
(Ký tên)

(Họ và tên người ký)

(Họ và tên người ký)